

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 7 - 2023

V/v: *Không công nhận là vợ chồng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Hạnh.

2. Bà Lý Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện TH, tỉnh TH1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện TH tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện TH, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 97/2023/TLST - HNGĐ ngày 07/6/2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 27/6/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn A, xã TC, Huyện TH, tỉnh TH1;

Bà Y vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn A, xã TC, Huyện TH, tỉnh TH1;

Ông H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2023, bản tự khai ngày 09/6/2023 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị Y trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Y và ông Đỗ Văn H cưới nhau theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2008 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có hạnh phúc, ông H hay rượu chè và hành hung bà Y, do không chịu đựng được bà phải đến nhà người thân để sinh sống. Nay xét thấy tình cảm không còn, bà Y yêu cầu được ly hôn ông H, cụ thể là yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Thị Y và ông Đỗ Văn H.

Về con chung: Bà Đỗ Thị Y và ông Đỗ Văn H có 03 con chung là Đỗ Thị Hiền sinh năm 1992, Đỗ Thị Hoa sinh năm 1994 và Đỗ Thị Thu Hằng sinh năm 2000, hiện các con đã thành niên bà Y không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/6/2023 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Đỗ Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Y và ông Đỗ Văn H cưới nhau theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 1991, làm đăng ký kết hôn nhưng giấy đăng ký kết hôn không có dấu, không có chữ ký, hiện tại giấy kết hôn ông H không cầm. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận không có vấn đề gì xảy ra, nay bà Y xin ly hôn, ông H xét thấy tình cảm đang còn nên không đồng ý ly hôn với bà Y.

Về con chung: Bà Đỗ Thị Y và ông Đỗ Văn H có 03 con chung là Đỗ Thị Hiền sinh năm 1992, Đỗ Thị Hoa sinh năm 1994 và Đỗ Thị Thu Hằng sinh năm 2000, hiện các con đã trưởng thành ông H không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Ông Đỗ Văn H là bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Hện TH vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện TH theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Y và ông H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H và bà Y.

[2] Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Y và ông Đỗ Văn H hai bên chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 và có cưới hỏi theo phong tục địa phương, trên cơ sở tự nguyện. Theo bà Y thì giữa bà Y và ông H hai bên không đăng ký kết hôn, chính quyền địa phương nơi bà Y và ông H sinh sống từ trước tới nay xác nhận hai bên không đăng ký kết hôn, các bên cũng không xuất trình được tài liệu nào chứng minh có việc đăng ký kết hôn giữa bà Đỗ Thị Y và ông Đỗ Văn H, ngoài lời khai của ông H là có giấy kết hôn nhưng không có chữ ký và dấu. Theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì giữa bà Y và ông H sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn thì không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng; Nay bà Y có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H, cần áp dụng các quy định này và quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để không công nhận bà Đỗ Thị Y và ông Đỗ Văn H là vợ chồng là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Đỗ Thị Y và ông Đỗ Văn H đều khai nhận vợ chồng có 03 con chung là Đỗ Thị Hiền sinh năm 1992, Đỗ Thị Hoa sinh năm 1994 và Đỗ Thị Thu Hằng sinh năm 2000. Bà Y xuất trình cho Tòa án 03 bản sao giấy khai sinh của Đỗ Thị Hiền sinh năm 1992, Đỗ Thị Hoa sinh năm 1994 và Đỗ Thị Thu Hằng sinh năm 2000, có ghi họ tên mẹ là Đỗ Thị Y, họ tên bố là Đỗ Văn H; Như vậy đủ cơ sở khẳng định Đỗ Thị Hiền sinh năm 1992, Đỗ Thị Hoa sinh năm 1994 và Đỗ Thị Thu Hằng sinh năm 2000 là con chung của bà Y và ông H; Hiện tại 03 con chung đã thành niên, tự lập được nên Tòa không xem xét về việc chăm sóc và cấp dưỡng.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Bà Y là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Thị Y và ông Đỗ Văn H.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị Y phải chịu tiền án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2022/0000530 ngày 06/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Hện TH, bà Y đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bà Y, ông H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Hện TH;
- TAND tỉnh TH1;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị Thắm Trịnh Thị Hạnh

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hà

Trần Thị Thịnh

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Dũng Tấn

Lê Minh Nhân

Hoàng Văn Đạt

